| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐĂKTÔ**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 31 /2019/QĐST-HNGĐ | *ĐăkTô, ngày* 15 *tháng* 5 *năm* 2019 |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn B - Sinh năm 1988,

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ , huyện ĐK, tỉnh Kon Tum;

- Bị đơn : Chị Phạm Thị Hồng L - Sinh năm 1989,

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, xã Đ , huyện ĐK, tỉnh Kon Tum;

Hiện trú tại: Khối 5, thị trấn Đ , huyện C, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Anh Lê Văn B và Chị Phạm Thị Hồng L .

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**** Về quan hệ hôn nhân***: Anh Lê Văn B và chị Phạm Thị Hồng L thuận tình

ly hôn.

**** Về con chung***: Có 01 con, tên Lê Ngọc Quỳnh Như, sinh ngày 09/9/2016. Giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và tự lập được. Anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2019 đến khi con trưởng thành và tự lập được. Anh B có quyền đi lại thăm con mà không ai được ngăn cản.

Áp dụng điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự: Đến thời hạn cấp dưỡng nuôi con nếu anh B không cấp dưỡng đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận và chị L có đơn yêu cầu thi hành án thì anh B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

**** Tài sản chung***: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Án phí:*** **Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5,** điểm b khoản 6 **điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:**

Anh B và chị L **mỗi ng□ời phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng.** Anh B phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ. Tổng số tiền án phí phải nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng). Anh B **tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí cho** chị L . **Đ□ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003556 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐăkTô.** Anh B đã nộp đủ tiền án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kon Tum,
- VKSND huyện Đăk Tô
- Chi cục THADS huyện ĐăkTô,
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn,
- Lưu hồ sơ vụ án

**THẨM PHÁN**

**Chu Thị Châu**